SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...92.../QĐ-NH

Tam Điệp, ngày 07 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung Ngân sách nhà nước năm 2022 Trường THPT Nguyễn Huệ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 523/TB-STC-HCSN ngày 06/7/2022 của Sở tài chính về việc điều chỉnh và cấp phát dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của tổ trưởng tổ văn phòng, kế toán trường THPT Nguyễn Huệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung Ngân sách nhà nước năm 2022 để chi tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT năm 2022 của Trường THPT Nguyễn Huệ *(Có biểu chi tiết đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, tổ trưởng tổ văn phòng, phòng kế toán và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT; BGH;
- Lưu: VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN HUỆ

Đoàn Thị Kim Dung

Biểu số 2 - Lần 2

Đơn vị: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo quyết định số ...91../QĐ-NH ngày 07/7/2022 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Huệ)

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp……..***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
2	Phí	
	Học phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**243.260**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**243.260**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	243.260
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi quản lý hành chính**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 523 /TB-STC-HCSN
V/v thông báo điều chỉnh và cấp phát dự toán NSNN năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 06 *tháng 7 năm 2022*

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định một số điểm về điều hành dự toán NSNN tỉnh Ninh Bình năm 2022;

Sở Tài chính nhận được Công văn số 869/TTr-SGDĐT ngày 28/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc đề nghị thẩm định và giao kinh phí chi tổ chức kỳ thi tốt nghiệp năm 2022 và kinh phí tuyển sinh lớp 10 trường THPT Dân tộc nội trú (kèm theo các Phụ biểu gửi ngày 05/7/2022 trên hệ thống iOffice).

Sau khi thẩm tra, Sở Tài chính thông báo điều chỉnh dự toán và cấp NSNN năm 2022 của các đơn vị, chi tiết như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2022 (*Kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục – đào tạo*) đã giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 11/12/2021 năm 2022 của UBND tỉnh, số tiền 5.305.326.000 đồng.

2. Điều chỉnh tăng và thông báo cấp phát dự toán NSNN năm 2022 của các trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, số tiền 5.305.326.000 đồng để chi tổ chức kỳ thi tốt nghiệp năm 2022 và tuyển sinh lớp 10 trường THPT Dân tộc nội trú.

(Chi tiết theo biểu 01 đính kèm)

3. Thông báo cấp phát dự toán NSNN năm 2022 cho Sở Giáo dục và Đào tạo để chi tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, chi tiết như sau:

Cấp NS: 02 Nguồn NS: 01 MSĐVSDNS: 1013177 Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Số tiền
Kinh phí không thực hiện tự chủ (*)	422	070	098	3.163.921
Tổng cộng				**3.163.921**

Số tiền (bằng chữ): Ba tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm hai mươi mốt ngàn đồng.

(Chi tiết theo biểu 02 và các phụ lục đính kèm)

Ghi chú: (*) Kinh phí tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 là 3.163.921.000 đồng (*Kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh là 8.700.000.000 đồng; Điều chỉnh sang cho các trường THPT (tại mục 2) là 5.305.326.000 đồng; Kinh phí còn lại chưa cấp là 230.753.000 đồng*).

Sở Tài chính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện chi trả đúng đối tượng, chế độ, định mức; quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước các huyện; TP.Tam Điệp
- Lưu: VT, NS, HCSN. HT(2).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Đức Thăng

Biểu 01

BIỂU CHI TIẾT CẤP DỰ TOÁN KINH PHÍ NSNN NĂM 2022 ĐỂ TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022 VÀ KINH PHÍ TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Thông báo số 523 */TB-STC-HCSN ngày* 06/7/2022 *của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình)*

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Đơn vị	Mã ĐV	Mã KB	Chương	Loại	Khoản	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số						**5.305.326**	**(Dự toán chi tiết theo Phụ lục 03)**
1	Trường THPT Hoa Lư A	1013422	Tỉnh Ninh Bình	422	070	074	265.710	
2	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1042195	Tỉnh Ninh Bình	422	070	074	219.175	
3	Trường THPT Gia Viễn A	1042510	Huyện Gia Viễn	422	070	074	247.575	
4	Trường THPT Gia Viễn B	1073082	Huyện Gia Viễn	422	070	074	217.070	
5	Trường THPT Gia Viễn C	1073083	Huyện Gia Viễn	422	070	074	187.150	
6	Trường THPT Nho Quan A	1001668	Huyện Nho Quan	422	070	074	217.155	
7	Trường THPT Nho Quan B	1001615	Huyện Nho Quan	422	070	074	264.220	
8	Trường THPT Nho Quan C	1029415	Huyện Nho Quan	422	070	074	213.650	
9	Trường THPT Kim Sơn A	1002147	Huyện Kim Sơn	422	070	074	219.650	
10	Trường THPT Kim Sơn B	1002149	Huyện Kim Sơn	422	070	074	245.085	
11	Trường THPT Kim Sơn C	1050017	Huyện Kim Sơn	422	070	074	190.610	
12	Trường THPT Yên Khánh A	1046696	Huyện Yên Khánh	422	070	074	230.050	
13	Trường THPT Yên Khánh B	1072101	Huyện Yên Khánh	422	070	074	206.870	
14	Trường THPT Yên Mô A	1072102	Huyện Yên Mô	422	070	074	240.320	

STT	Đơn vị	Mã ĐV	Mã KB	Chương	Loại	Khoản	Số tiên	Ghi chú
15	Trường THPT Yên Mô B	1046481	Huyện Yên Mô	422	070	074	240.180	
16	Trường THPT Nguyễn Huệ	1046482	Thành phố Tam Điệp	422	070	074	243.260	
17	Trường THPT Bình Minh	1005781	Huyện Kim Sơn	422	070	074	209.465	
18	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	1005782	Tỉnh Ninh Bình	422	070	074	200.972	Tổng kinh phí 235,050trđ, tr.đó: Thu tại đơn vị (Thí sinh trường tư thục Nguyễn Công Trứ) 78 hs là 34,078trđ; NS cấp là 200,972trđ
19	Trường THPT Ngô Thì Nhậm	1005783	Thành phố Tam Điệp	422	070	074	185.140	
20	Trường THPT Vũ Duy Thanh	1076870	Huyện Yên Khánh	422	070	074	241.070	
21	Trường THPT Tạ Uyên	1050013	Huyện Yên Mô	422	070	074	182.380	
22	Trường THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	1052357	Tỉnh Ninh Bình	422	070	074	129.559	Tổng kinh phí 217,570trđ, tr.đó: Thu tại đơn vị (Thí sinh trường tư thục Nguyễn Công Trứ) 197 hs là 88,011trđ; NS cấp là 129,559trđ
23	Trường THPT Dân tộc nội trú	1002203	Huyện Nho Quan	422	070	074	241.200	Bao gồm: Kinh phí thi tốt nghiệp THPT là 152,130trđ; Kinh phí thi tuyển sinh lớp 10 theo Nghị quyết số 131/2021/NQ-HĐHD ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh là 89,070trđ
24	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	1013170	Tỉnh Ninh Bình	422	070	074	267.810	

Phụ lục 01

TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
VÀ KINH PHÍ TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Thông báo số 523/TB-STC-HCSN ngày 6/7/2022 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Tên điểm thi	Quy mô kỳ thi		Dự toán kinh phí			Nguồn kinh phí			Ghi chú
		Số HS dự thi	Số phòng thi	Tổng số	Chi chế độ cho con người làm công tác tổ chức thi	Chi phí khác phục vụ kỳ thi	Tổng số	Trong đó		
								Số thu của các trường tư thục có học sinh tham dự	*KP NSNN cấp*	
	Tổng cộng			**8.591.336**	**5.438.590**	**3.152.746**	**8.591.336**	**122.089**	**8.469.247**	
A	**Thi tốt nghiệp THPT**	**10.575**	**456**	**8.502.266**	**5.391.840**	**3.110.426**	**8.502.266**	**122.089**	**8.380.177**	
I	**Sở Giáo dục và Đào tạo**			**3.163.921**	**2.485.750**	**678.171**	**3.163.921**	**0**	**3.163.921**	
II	**Các đơn vị trực thuộc**			**5.338.345**	**2.906.090**	**2.432.255**	**5.338.345**	**122.089**	**5.216.256**	
1	Trường THPT Hoa Lư A	592	25	265.710	154.260	111.450			265.710	
2	Trường THPT Trần Hưng Đạo	401	18	219.175	119.550	99.625			219.175	
3	Trường THPT Gia Viễn A	521	22	247.575	140.230	107.345			247.575	
4	Trường THPT Gia Viễn B	428	18	217.070	116.510	100.560			217.070	
5	Trường THPT Gia Viễn C	270	13	187.150	95.570	91.580			187.150	
6	Trường THPT Nho Quan A	397	17	217.155	117.760	99.395			217.155	
7	Trường THPT Nho Quan B	603	26	264.220	151.940	112.280			264.220	
8	Trường THPT Nho Quan C	353	15	213.650	115.970	97.680			213.650	
9	Trường THPT Kim Sơn A	459	20	219.650	116.760	102.890			219.650	

Số TT	Tên điểm thi	Quy mô kỳ thi		Dự toán kinh phí			Nguồn kinh phí			Ghi chú
		Số HS dự thi	Số phòng thi	Tổng số	Chi chế độ cho con người làm công tác tổ chức thi	Chi phí khác phục vụ kỳ thi	Tổng số	Trong đó		
								Số thu của các trường tư thục có học sinh tham dự	*KP NSNN cấp*	
10	Trường THPT Kim Sơn B	539	23	245.085	136.820	108.265			245.085	
11	Trường THPT Kim Sơn C	291	13	190.610	96.990	93.620			190.610	
12	Trường THPT Yên Khánh A	463	20	230.050	127.250	102.800			230.050	
13	Trường THPT Yên Khánh B	406	17	206.870	107.940	98.930			206.870	
14	Trường THPT Yên Mô A	541	23	240.320	131.940	108.380			240.320	
15	Trường THPT Yên Mô B	574	24	240.180	130.720	109.460			240.180	
16	Trường THPT Nguyễn Huệ	496	21	243.260	137.470	105.790			243.260	
17	Trường THPT Bình Minh	398	18	209.465	110.780	98.685			209.465	
18	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	538	23	235.050	128.490	106.560		34.078	200.972	*Thu trường tư thục Nguyễn Công Trứ 78 hs*
19	Trường THPT Ngô Thì Nhậm	273	12	185.140	93.710	91.430			185.140	
20	Trường THPT Vũ Duy Thanh	496	21	241.070	135.150	105.920			241.070	
21	Trường THPT Tạ Uyên	276	12	182.380	90.680	91.700			182.380	
22	Trường THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	487	21	217.570	114.500	103.070		88.011	129.559	*Thu trường tư thục Nguyễn Công Trứ 197 hs*
23	Trường THPT Dân tộc Nội trú	116	6	152.130	76.650	75.480			152.130	
24	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	657	28	267.810	158.450	109.360			267.810	
B	**Thi tuyển sinh lớp 10 trường THPT Dân tộc nội trú**	**187**	**8**	**89.070**	**46.750**	**42.320**	**89.070**		**89.070**	

Phụ lục 03

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022 VÀ KINH PHÍ TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Thông báo số 523/TB-STC-HCSN ngày 6 /7/2022 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Quy mô		Số đơn vị đề nghị		Sở Tài chính thẩm định		Chênh lệch	Ghi chú
		Số thí sinh	Số phòng thi	Cơ sở tính	Số tiền	Cơ sở tính	Số tiền		
	Tổng cộng				**5.686.618**		**5.427.415**	**(259.203)**	**Tổng kinh phí thực hiện là 5.427,415 triệu đồng (Trong đó nguồn thu của các trường tư thục có học sinh tham dự là 122,089trđ; Kinh phí NSNN cấp là 5.305,326trđ)**
I	**Thi tốt nghiệp THPT**	**10.575**	**456**		**5.597.548**		**5.338.345**	**(259.203)**	
1	**Điểm thi Trường THPT Hoa Lư A**	**592**	**25**		**285.874**		**265.710**	**-20.164**	
a	**Tiền công cho các thành viên tham gia công tác chuẩn bị thi**				**39.360**		**39.360**	**0**	
-	Trưởng ban			1 người x 240.000đ x 12 ngày	2.880	1 người x 240.000đ x 12 ngày	2.880	0	Ngày 26/4-28/04 cấp tài khoản, mật khẩu cho thí sinh (3 ngày); 29/4 và 03/05 hướng dẫn thí sinh thử đăng ký trực tuyến (02 ngày); ngày 17/5 in phiếu ĐKDT phiếu số 1, phiếu số 2 (1 ngày); 19,20/05 in danh sách thí sinh đăng ký dự thi, cho thí sinh ký xác nhận thông tin lên danh sách (02 ngày) Ngày 23/05 kiểm tra chéo thông tin (01 ngày) Ngày 29,30,31/05 thu phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, nhập dữ liệu, in thông tin cho thí sinh rà soát và ký vào danh sách (03 ngày)
-	Phó trưởng ban			2 người x 200.000đ x 12 ngày	4.800	2 người x 200.000đ x 12 ngày	4.800	0	
-	Uỷ viên			12 người x 180.000đ x 12 ngày	25.920	12 người x 180.000đ x 12 ngày	25.920	0	
-	Uỷ viên (giáo viên chủ nhiệm lớp 12)			11 người x 180.000đ x 2 ngày	3.960	11 người x 180.000đ x 2 ngày	3.960	0	19-20/05 và ngày 30-31/5 giáo viên chủ nhiệm nhận danh sách thí sinh ĐKDT, kiểm tra đối chiếu hồ sơ cho thí sinh ký xác nhận thông tin lên danh sách (02 ngày)
-	Uỷ viên (hướng dẫn học sinh đăng ký)			01 người x 180.000đ x 10 ngày	1.800	01 người x 180.000đ x 10 ngày	1.800	0	04/05 đến 13/05 hướng dẫn thí sinh đăng ký thi trực tuyến
b	**Kinh phí chi các thành viên làm công tác tại điểm thi**				**106.280**		**106.280**	**0**	
-	Điểm trưởng			1 người x 350.000đ x 4 ngày	1.400	1 người x 350.000đ x 4 ngày	1.400	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Phó Trưởng điểm			4 người x 300.000đ x 4 ngày	4.800	4 người x 300.000đ x 4 ngày	4.800	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Thư ký			5 người x 280.000đ x 4 ngày	5.600	5 người x 280.000đ x 4 ngày	5.600	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Giám sát			13 người x 280.000đ x 4 ngày	14.560	13 người x 280.000đ x 4 ngày	14.560	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Cán bộ coi thi, cán bộ coi thi phòng chờ			62 người x 280.000đ x 3 ngày	52.080	62 người x 280.000đ x 3 ngày	52.080	0	Từ ngày 06/7 đến ngày 8/7/2022
-	Thanh tra cắm chốt			4 người x 280.000đ x 5 ngày	5.600	4 người x 280.000đ x 5 ngày	5.600	0	Từ ngày 04/7 đến ngày 8/7/2022
-	Công an bảo vệ đề, bài thi 24/24h			2 người/điểm thi x 280.000đ x 4 ngày	2.240	2 người/điểm thi x 280.000đ x 4 ngày	2.240	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Công an bảo vệ vòng ngoài			10 người x 200.000đ x 4 ngày	8.000	10 người x 200.000đ x 4 ngày	8.000	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Nhân viên y tế, phục vụ			9 người x 150.000đ x 4 ngày	5.400	9 người x 150.000đ x 4 ngày	5.400	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Nhân viên phục vụ trước và sau những ngày thi			8 người x 150.000đ x 3 ngày	3.600	8 người x 150.000đ x 3 ngày	3.600	0	Từ ngày 03-04/7 và ngày 09/7/2022

STT	Nội dung	Quy mô		Số đơn vị đề nghị		Sở Tài chính thẩm định		Chênh lệch	Ghi chú
		Số thí sinh	Số phòng thi	Cơ sở tính	Số tiền	Cơ sở tính	Số tiền		
	Thuê rạp phục vụ hội đồng thi			100m2 x 25.000 đồng/ngày x 3 ngày	7.500	100m2 x 25.000 đồng/ngày x 3 ngày	7.500	0	Thuê rạp phục vụ khai mạc hội đồng thi, phục vụ thí sinh chờ thi môn tổ hợp
-	Thuê điều hòa nhiệt độ cây			4 chiếc x 750.000đ/chiếc/ngày x 2 ngày	9.000	4 chiếc x 750.000đ/chiếc/ngày x 2 ngày	9.000	0	Thời gian từ 05/7 đến 08/7: phục vụ phòng chờ của giám thi, phòng làm việc của hội đồng thi, phòng chờ của thí sinh dự thi tham gia môn thi tổ hợp
-	Thuê máy phát điện 3 pha công suất từ 20-40KVA			2 chiếc x 2.000.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	12.000	2 chiếc x 2.000.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	12.000	0	Dự phòng mất điện 2 chiếc để khu vực 2 dãy nhà thi, 1 chiếc phục phòng bảo quản đề thi, bài thi
	Mua xăng chạy máy phát điện			100 lít x 33.000 đồng/lít	3.300	100 lít x 33.000 đồng/lít	3.300	0	Mua dự phòng mất điện chạy máy phát điện
-	Thuê ô phục vụ công an làm nhiệm vụ cắm chốt tại khu vực làm thi của điểm thi.			5 chiếc x 150.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	2.250	5 chiếc x 150.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	2.250	0	Phục vụ công an cắm chốt tại các điểm trong khu vực thi
-	Thuê phương tiện vận chuyển bài thi (xe 16 chỗ)			2 chuyến x 1.200.000đ/chuyến;	2.400	2 chuyến x 1.200.000đ/chuyến;	2.400	0	Vận chuyển bài thi từ Điểm thi đến Sở GD&ĐT và ngược lại
-	Tiền nước uống cho học sinh (phát trực tiếp nước uống cho HS tại phòng thi: 2 chai/ngày/HS).			574 hs x 10.000đ/người/ngày x 2,5 ngày	14.350	574 hs x 10.000đ/người/ngày x 2,5 ngày	14.350	0	Nước uống phát trực tiếp cho HS tại phòng thi: 2 chai/hs/ngày
-	Tiền nước uống, giải khát cho hội đồng thi			39 người x 40.000đ/người x 4 ngày	6.240	39 người x 40.000đ/người x 4 ngày	6.240	0	Phục vụ Lãnh đạo hội đồng thi, công an bảo vệ, phục vụ
				58 người x 40.000đ/người x 3 ngày	6.960	58 người x 40.000đ/người x 3 ngày	6.960	0	Phục vụ giám thị Hội đồng thi
-	In thẻ dự thi cho HS			574 chiếc x 15.000đ/chiếc	8.610	574 chiếc x 15.000đ/chiếc	8.610	0	
-	In phù hiệu Hội đồng thi			110 chiếc x 15.000đ/chiếc	1.650	110 chiếc x 15.000đ/chiếc	1.650	0	
-	Văn phòng phẩm dùng				32.037		25.000	(7.037)	Giấy in, băng dính, mực phô tô, bao bì, bàn dập ghim, ghim cài, ghim kẹp, bút viết, dao, kéo, túi đựng bài thi…; khánh tiết tại điểm thi (có bảng kê chi tiết)
-	Vật tư phục vụ hội đồng thi				8.675				Nhu yếu phẩm kem đánh răng, dầu gội, xà phòng, bàn chải, chăn, gối, chiếu: phục vụ cho CBCT, CBGS nghỉ lại buổi trưa, ca cốc, giấy vệ sinh phục vụ cho hội đồng thi và học sinh dự thi, quạt giấy phục vụ cho CBCT tại các phòng thi, giám sát tại các hành lang
-	Thuốc y tế			1 điểm x 2.500.000điểm	2.500	1 điểm x 2.500.000điểm	2.500	0	
-	Trang trí khánh tiết, băng zôn			02 chiếc x 750.000đ	1.500	02 chiếc x 750.000đ	1.500	0	1 Chiếc cổng trường, 1 chiếc dãy nhà thi
-	Ổ cứng 3TB lưu trữ và bảo mật dữ liệu thi theo quy chế thi			1 chiếc x 3.500.000 đ/chiếc	3.500	1 chiếc x 3.500.000 đ/chiếc	3.500	-	Lưu trữ dữ liệu theo yêu cầu của Bộ
-	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống Camera			2.700.000đ/điểm □	2.700	2.700.000đ/điểm □	2.700	0	Bảo dưỡng ,nâng cấp hệ thống Camera phục tại phòng bảo quản đề thi, bài thi
16	**Điểm thi THPT Nguyễn Huệ**	**496**	**21**		**256.234**		**243.260**	**-12.974**	
a	**Tiền công cho các thành viên tham gia công tác chuẩn bị thi**				**39.000**		**39.000**	**0**	
-	Trưởng ban			1 người x 240.000đ x 12 ngày	2.880	1 người x 240.000đ x 12 ngày	2.880	0	Ngày 26/4-28/04 cấp tài khoản, mật khẩu cho thí sinh (3 ngày); 29/4 và 03/05 hướng dẫn thí sinh thử đăng ký trực tuyến (02 ngày); ngày 17/5 in phiếu ĐKDT phiếu số 1, phiếu

STT	Nội dung	Quy mô		Số đơn vị đề nghị		Sở Tài chính thẩm định		Chênh lệch	Ghi chú
		Số thí sinh	Số phòng thi	Cơ sở tính	Số tiền	Cơ sở tính	Số tiền		
-	Phó trưởng ban			2 người x 200.000đ x 12 ngày	4.800	2 người x 200.000đ x 12 ngày	4.800	0	số 2 (1 ngày); 19,20/05 in danh sách thí sinh đăng ký dự thi, cho thí sinh ký xác nhận thông tin lên danh sách (02 ngày) Ngày 23/05 kiểm tra chéo thông tin (01 ngày)
-	Uỷ viên			12 người x 180.000đ x 12 ngày	25.920	12 người x 180.000đ x 12 ngày	25.920	0	Ngày 29,30,31/05 thu phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, nhập dữ liệu, in thông tin cho thí sinh rà soát và ký vào danh sách (03 ngày)
-	Uỷ viên (giáo viên chủ nhiệm lớp 12)			10 người x 180.000đ x 2 ngày	3.600	10 người x 180.000đ x 2 ngày	3.600	0	19-20/05 và ngày 30-31/5 giáo viên chủ nhiệm nhận danh sách thí sinh ĐKDT, kiểm tra đối chiếu hồ sơ cho thí sinh ký xác nhận thông tin lên danh sách (02 ngày)
-	Uỷ viên (hướng dẫn học sinh đăng ký)			01 người x 180.000đ x 10 ngày	1.800	01 người x 180.000đ x 10 ngày	1.800	0	04/05 đến 13/05 hướng dẫn thí sinh đăng ký thi trực tuyến
b	**Kinh phí chi các thành viên làm công tác tại điểm thi**				**90.970**		**90.970**	**0**	
-	Điểm trưởng			1 người x 350.000đ x 4 ngày	1.400	1 người x 350.000đ x 4 ngày	1.400	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Phó Trưởng điểm			4 người x 300.000đ x 4 ngày	4.800	4 người x 300.000đ x 4 ngày	4.800	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Thư ký			5 người x 280.000đ x 4 ngày	5.600	5 người x 280.000đ x 4 ngày	5.600	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Giám sát			10 người x 280.000đ x 4 ngày	11.200	10 người x 280.000đ x 4 ngày	11.200	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Thanh tra cắm chốt			3 người x 280.000đ x 5 ngày	4.200	3 người x 280.000đ x 5 ngày	4.200	0	Từ ngày 04/7 đến ngày 8/7/2022
-	Cán bộ coi thi, cán bộ coi thi phòng chờ			52 người x 280.000đ x 3 ngày	43.680	52 người x 280.000đ x 3 ngày	43.680	0	Từ ngày 06/7 đến ngày 8/7/2022
-	Công an bảo vệ đề, bài thi 24/24h			2 người/điểm thi x 280.000đ x 4 ngày	2.240	2 người/điểm thi x 280.000đ x 4 ngày	2.240	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Công an bảo vệ vòng ngoài			6 người x 200.000đ x 4 ngày	4.800	6 người x 200.000đ x 4 ngày	4.800	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Nhân viên y tế, phục vụ			10 người x 150.000đ x 4 ngày	6.000	10 người x 150.000đ x 4 ngày	6.000	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
-	Nhân viên phục vụ trước và sau những ngày thi			9 người x 150.000đ x 3 ngày	4.050	9 người x 150.000đ x 3 ngày	4.050	0	Từ ngày 03-04/7 và ngày 09/7/2022
-	Tiền ăn cho người cách ly bảo vệ đề, bài thi			5 người x 150.000đ x 4 ngày	3.000	5 người x 150.000đ x 4 ngày	3.000	0	Từ ngày 05/7 đến ngày 8/7/2022
c	**Chi tiền công cho thành viên Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp**				**7.500**		**7.500**	**0**	
-	Chủ tịch			1 người x 350.000đ x 2 ngày	700	1 người x 350.000đ x 2 ngày	700	0	
-	Phó chủ tịch			2 người x 300.000đ x 2 ngày	1.200	2 người x 300.000đ x 2 ngày	1.200	0	
-	Uỷ viên, thư ký			10 người x 280.000đ x 2 ngày	5.600	10 người x 280.000đ x 2 ngày	5.600	0	
d	**Chi phí khác phục vụ các điểm thi**				**118.764**		**105.790**	**-12.974**	
	Thuê rạp phục vụ hội đồng thi			100m2 x 25.000 đồng/ngày x 3 ngày	7.500	100m2 x 25.000 đồng/ngày x 3 ngày	7.500	0	Thuê rạp phục vụ khai mạc hội đồng thi, phục vụ thí sinh chờ thi môn tổ hợp
-	Thuê điều hòa nhiệt độ cây			4 chiếc x 750.000đ/chiếc/ngày x 2 ngày	9.000	4 chiếc x 750.000đ/chiếc/ngày x 2 ngày	9.000	0	Thời gian từ 05/7 đến 08/7: phục vụ phòng chờ của giám thị, phòng làm việc của hội đồng thi, phòng chờ của thí sinh dự thi tham gia môn thi tổ hợp
-	Thuê máy phát điện 3 pha công suất từ 20-40KVA			2 chiếc x 2.000.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	12.000	2 chiếc x 2.000.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	12.000	0	Dự phòng mất điện 2 chiếc để khu vực 2 dãy nhà thi, 1 chiếc phục phòng bảo quản đề thi, bài thi
	Mua xăng chạy máy phát điện			100 lít x 33.000 đồng/lít	3.300	100 lít x 33.000 đồng/lít	3.300	0	Mua dự phòng mất điện chạy máy phát điện

STT	Nội dung	Quy mô		Số đơn vị đề nghị		Sở Tài chính thẩm định		Chênh lệch	Ghi chú
		Số thí sinh	Số phòng thi	Cơ sở tính	Số tiền	Cơ sở tính	Số tiền		
-	Thuê ô phục vụ công an làm nhiệm vụ cắm chốt tại khu vực làm thi của điểm thi.			5 chiếc x 150.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	2.250	5 chiếc x 150.000đ/chiếc/ngày x 3 ngày	2.250	0	Phục vụ công an cắm chốt tại các điểm trong khu vực thi
-	Thuê phương tiện vận chuyển bài thi (xe 16 chỗ)			2 chuyến x 1.200.000đ/chuyến;	2.400	2 chuyến x 1.200.000đ/chuyến;	2.400	0	Vận chuyển bài thi từ Điểm thi đến Sở GD&ĐT và ngược lại
-	Tiền nước uống cho học sinh (phát trực tiếp nước uống cho HS tại phòng thi: 2 chai/ngày/HS).			496 hs x 10.000đ/người/ngày x 2,5 ngày	12.400	496 hs x 10.000đ/người/ngày x 2,5 ngày	12.400	0	Nước uống phát trực tiếp cho HS tại phòng thi: 2 chai/hs/ngày
-	Tiền nước uống, giải khát cho hội đồng thi			41 người x 40.000đ/người x 4 ngày	6.560	41 người x 40.000đ/người x 4 ngày	6.560	0	Phục vụ Lãnh đạo hội đồng thi, công an bảo vệ, phục vụ
				52 người x 40.000đ/người x 3 ngày	6.240	52 người x 40.000đ/người x 3 ngày	6.240	0	Phục vụ giám thị Hội đồng thi
-	In thẻ dự thi cho HS			496 chiếc x 15.000đ/chiếc	7.440	496 chiếc x 15.000đ/chiếc	7.440	0	
-	In phù hiệu Hội đồng thi			100 chiếc x 15.000đ/chiếc	1.500	100 chiếc x 15.000đ/chiếc	1.500	0	
-	Văn phòng phẩm dùng				27.694		25.000	(2.694)	Giấy in, băng dính, mực phô tô, bao bì, bàn dập ghim, ghim cài, ghim kẹp, bút viết, dao, kéo, túi đựng bài thi…; khánh tiết tại điểm thi (có bảng kê chi tiết)
-	Vật tư phục vụ hội đồng thi				10.280				Nhu yếu phẩm kem đánh răng, dầu gội, xà phòng, bàn chải, chăn, gối, chiếu: phục vụ cho CBCT, CBGS nghỉ lại buổi trưa, ca cốc, giấy vệ sinh phục vụ cho hội đồng thi và học sinh dự thi, quạt giấy phục vụ cho CBCT tại các phòng thi, giám sát tại các hành lang
-	Thuốc y tế			1 điểm x 2.500.000điểm	2.500	1 điểm x 2.500.000điểm	2.500	0	
-	Trang trí khánh tiết, băng zôn			02 chiếc x 750.000đ	1.500	02 chiếc x 750.000đ	1.500	0	1 Chiếc cổng trường, 1 chiếc dãy nhà thi
-	Ổ cứng 3TB lưu trữ và bảo mật dữ liệu thi theo quy chế thi			1 chiếc x 3.500.000 đ/chiếc	3.500	1 chiếc x 3.500.000 đ/chiếc	3.500	-	Lưu trữ dữ liệu theo yêu cầu của Bộ
-	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống Camera			2.700.000đ/điểm □	2.700	2.700.000đ/điểm □	2.700	0	Bảo dưỡng ,nâng cấp hệ thống Camera phục tại phòng bảo quản đề thi, bài thi
17	**Điểm thi THPT Bình Minh**	**398**	**18**		**214.148**		**209.465**	**-4.683**	
a	**Tiền công cho các thành viên tham gia công tác chuẩn bị thi**				**34.680**		**34.680**	**0**	
-	Trưởng ban			1 người x 240.000đ x 12 ngày	2.880	1 người x 240.000đ x 12 ngày	2.880	0	Ngày 26/4-28/04 cấp tài khoản, mật khẩu cho thí sinh (3 ngày); 29/4 và 03/05 hướng dẫn thí sinh thử đăng ký trực tuyến (02 ngày); ngày 17/5 in phiếu ĐKDT phiếu số 1, phiếu số 2 (1 ngày); 19,20/05 in danh sách thí sinh đăng ký dự thi, cho thí sinh ký xác nhận thông tin lên danh sách (02 ngày) Ngày 23/05 kiểm tra chéo thông tin (01 ngày)
-	Phó trưởng ban			2 người x 200.000đ x 12 ngày	4.800	2 người x 200.000đ x 12 ngày	4.800	0	
-	Uỷ viên			10 người x 180.000đ x 12 ngày	21.600	10 người x 180.000đ x 12 ngày	21.600	0	Ngày 29,30,31/05 thu phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, nhập dữ liệu, in thông tin cho thí sinh rà soát và ký vào danh sách (03 ngày)
-	Uỷ viên (giáo viên chủ nhiệm lớp 12)			10 người x 180.000đ x 2 ngày	3.600	10 người x 180.000đ x 2 ngày	3.600	0	19-20/05 và ngày 30-31/5 giáo viên chủ nhiệm nhận danh sách thí sinh ĐKDT, kiểm tra đối chiếu hồ sơ cho thí sinh ký xác nhận thông tin lên danh sách (02 ngày)